

Bản án số: 34/2024/DS-PT
Ngày 22 - 9 - 2024
V/v Tranh chấp lỗi đi chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Tuấn Minh.

Thẩm phán: Bà Tông Thị Hiền, bà Lại Thị Hiếu.

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 8 năm 2024 về việc Tranh chấp lỗi đi chung. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2024/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 46/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số: /QĐ-DSPT ngày 17 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tất B, sinh năm 1974 và bà Hoàng Thị P, sinh năm 1974; địa chỉ: Bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955; địa chỉ: Bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Đ; địa chỉ: Bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Tất B và bà Hoàng Thị P trình bày:**

Năm 1989, gia đình ông bà từ quê lên Sơn La cư trú. Thửa đất gia đình ông bà sử dụng đã có 01 đường mòn đi lên nương ở giữa thửa đất nhà bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Đ, lối đi rộng khoảng hơn 02m, dài khoảng 25m lối từ ngã ba đường đi nương vào đất nhà ông bà. Từ trước đến nay gia đình ông bà và ông Nguyễn Văn H vẫn sử dụng lối đó để đi lại. Sau đó, ông bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất liền kề của ông H nên chỉ còn gia đình ông sử dụng lối đi là chủ yếu. Đến tháng 05/2023, gia đình bà N đã rào lại con đường san bằng lấp con đường và cho bà Nguyễn Thị Đ (em gái bà N) làm vườn trồng dâu tây.

Vì vậy, ông bà khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N trả lại hiện trạng con đường đi lên nương có chiều dài khoảng 25m nối từ ngã ba đường đi nương vào đất hộ ông Nguyễn Tất B tại bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La (một cạnh giáp đất ông Nguyễn Văn T, một cạnh giáp đất bà Nguyễn Thị Đ). Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

**** Tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:***

Năm 1990, vợ chồng bà nhận chuyển nhượng đất tại bản T, xã N, huyện M của ông Hà Văn T1, sau đó chia cho em gái là Nguyễn Thị Đ cùng sử dụng. Vợ chồng bà và bà Nguyễn Thị Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất nhà bà và nhà bà Đ giáp đất ông Nguyễn Văn H (là em họ của bà, là anh rể của ông B). Vì vậy, gia đình bà đã để ra một con đường mòn (chiều rộng khoảng 50cm đến 01m, không rào để xác định vị trí lối đi, thông với phần đất còn lại của gia đình), vị trí giáp đất nhà bà Đ để làm đường mòn để đi vào nhà ông H cho thuận tiện đi lại, người dân vẫn đi nhờ qua con đường này của gia đình bà nên diện tích con đường mòn là đất của gia đình bà nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp mang tên ông Nguyễn Văn T do Ủy ban nhân dân huyện M cấp năm 1999. Nguồn gốc thửa đất ban đầu là liền thổ, bà là người chia đất cho bà Đ sử dụng nên không thể có lối đi chung giữa thửa đất. Vì vậy, bà không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông B. Nếu ông B nhất trí thỏa thuận theo hướng để lại cho gia đình bà đi qua diện tích đất khác của nhà ông B đi vào thửa đất ở vị trí khác thì bà cũng nhất trí để lại cho ông B đi qua phần đất nhà bà cạnh nhà bà Đ (là phần đất ông B đang tranh chấp).

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ trình bày như sau:***

Bà là em gái của bà Nguyễn Thị N. Năm 1995, bà chuyển lên bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La sinh sống. Bà N đã chia cho bà 01 thửa đất gần nhà bà N ông T để ở, canh tác và bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình sử dụng đất, bà N có để một lối đi từ nhà bà N sang nhà ông H

(em họ) cho tiện đi lại, không phải lối đi chung mà là lối đi tắt của nhà bà N. Vị trí lối đi giáp đất nhà bà, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà N. Sau đó, ông H chuyển về Hưng Yên sinh sống, không ai còn sử dụng lối đi trên. Năm 2023, bà mượn đất của bà N nên đã bỏ con đường để làm dâu tây.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ, bà Đ xác định phần đất của gia đình bà và bà N không có ranh giới nhưng bà vẫn xác định được ranh giới là con đường cũ đi tắt từ nhà bà N sang nhà ông H. Vị trí con đường ông B đang tranh chấp trùng với vị trí con đường cũ.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 21/3/2024 Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất và tài sản trên đất đang tranh chấp, kết quả: Diện tích lối đi lên nương theo xác định của ông Nguyễn Tất B và bà Hoàng Thị P có diện tích là 56,0m² tại tờ bản đồ 107 (346521-7-đ) đo đạc hiện trạng năm 2014 - Bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Lối đi cách vị trí nương nước là 6,31m. Cụ thể: Phía Bắc giáp đường đi khu sản xuất, dài 2,28m; Phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị Đ, dài 3,89m + 3,55m + 3,72m + 1,97m + 2,54m + 7,5m + 2,01m + 1,7m; Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Tất B, dài 0,82m + 1,65m; Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N, dài 7,41m + 7,82m + 6,81m + 3,90m.

(Hình thể thửa đất và giáp ranh thể hiện tại trích đo địa chính thửa đất kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ).

Ngoài ra, Tòa án tiến hành xác minh về nguồn gốc đất, nguồn gốc con đường với người dân cư trú lâu năm tại địa phương và Ban quản lý bản cũ. Do các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã Quyết định:**

Căn cứ các Điều 166, 254 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 4, Điều 5, Điều 170, Điều 179, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ trả lại lối đi lên nương có diện tích là 56,0m² tại tờ bản đồ 107 (346521-7-đ) đo đạc hiện trạng năm 2014 - Bản T, xã N, huyện M, tỉnh

Sơn La. Lối đi cách vị trí nương nước là 6,31m. Cụ thể: Phía Bắc giáp đường đi khu sản xuất, dài 2,28m; Phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị Đ, dài 3,89m + 3,55m + 3,72m + 1,97m + 2,54m + 7,5m + 2,01m + 1,7m; Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Tất B, dài 0,82m + 1,65m; Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N, dài 7,41m + 7,82m + 6,81m + 3,90m. Trên đất trồng dâu tây cuối vụ không còn cho thu hoạch.

(Hình thể thửa đất và giáp ranh thể hiện tại trích đo địa chính thửa đất kèm theo biên bản xem xét).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

* **Sau khi xét xử sơ thẩm:** Ngày 06/8/2024 bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo với nội dung không nhất trí với toàn bộ Bản án sơ thẩm.

* **Tại phiên toà phúc thẩm:** Nguyên đơn; Bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận.

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Toà án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn la thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tất B và bà Hoàng Thị P với bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N về Tranh chấp lối đi chung là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/8/2024 bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo trong hạn luật định, thoả mãn về hình thức và nội dung. Do đó, đơn kháng cáo của ông T và bà N được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên toà:

Tại cấp phúc thẩm, Toà án đã tiến hành triệu tập họp lệ các bên đương sự, tuy nhiên nguyên đơn ông Nguyễn Tất B, bà Hoàng Thị P; bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N đều có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt không có lý do. Xét thấy, bà Nguyễn Thị Đ không có kháng cáo, hoàn toàn nhất trí với bản án sơ thẩm; ông Nguyễn Tất B, bà Hoàng Thị P; ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó sự vắng mặt của của các đương sự không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị N xác định: Năm 1990 vợ chồng bà nhận chuyển nhượng đất của ông Hà Văn T1, sau đó chia cho em gái là bà Nguyễn Thị Đ sử dụng. Giáp đất nhà bà N và bà Đ là đất nhà ông Nguyễn Văn H (em họ bà N), vì vậy bà đã để ra một con đường mòn (vị trí giáp đất nhà bà Đ) để làm đường đi dẫn vào nhà ông H cho thuận tiện đi lại.

Bà Cẩm Thị N2 (vợ ông Hà Văn T1) và anh Hà Văn T2 (con trai ông Hà Văn T1) cho biết trước thời điểm chuyển nhượng, giữa nương nhà bà N2 và anh T2 có một lối mòn để cho mọi người đi qua nương canh tác. Vị trí lối mòn trùng với phần lối đi đang tranh chấp giữa gia đình ông Nguyễn Tất B và gia đình ông Nguyễn Văn T.

Một số hộ dân sinh sống lâu năm tại địa phương xác nhận có một con đường mòn đi qua đất nhà ông T1, bà N2 người dân sử dụng để đi nương. Tại biên bản xác minh với ông Nguyễn Đăng B1 (nguyên trưởng bản T, xã N) xác nhận thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ thị 10 cho các hộ dân đã để lại các đường dân sinh, đường đi chung trong đó có con đường đang tranh chấp trong vụ án.

Căn cứ sổ mục kê và tờ bản đồ A-1+3-1 cấp năm 1999 khu vực bản Trung Thành, xã N và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho các hộ gia đình đã thể hiện: Ông Nguyễn Tất B được cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 81 (đất thổ cư), thửa số 82 (đất vườn) theo Quyết định số 409/QĐ-UB ngày 18/11/1999. Liền kề phía trên thửa đất nhà ông B là thửa số 61 (đất vườn) giao cho ông Nguyễn Văn H. Bà Nguyễn Thị Đ được cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 62 (loại đất thổ cư), thửa số 80 (loại đất vườn) theo Quyết định số 409/QĐ-UB ngày 18/11/1999. Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T được cấp quyền sử dụng đất đối với thửa số 48, 49 theo Quyết định số 409/QĐ-UB ngày 18/11/1999. Tờ bản đồ A-1+3-1 khu vực bản T, xã N thể hiện: Giữa thửa đất số 62, 80 của bà Nguyễn Thị Đ và thửa đất số 48 của bà Nguyễn Thị N có 01 lối đi

vào thửa đất số 61 của ông Nguyễn Văn H và thửa số 82 của anh Nguyễn Tất B. Hiện tại ông Nguyễn Tất B đang sử dụng phần đất giao cho ông Nguyễn Văn H.

Theo tờ bản đồ địa chính số 107 (346521-7-đ) đo đạc hiện trạng năm 2014 tại xã N và được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh S phê duyệt năm 2020 thể hiện: Giữa thửa 13 (trùng vị trí thửa 62 tờ bản đồ A-1+3-1) do bà Nguyễn Thị Đ sử dụng và thửa số 61 (trùng vị trí thửa 48, 49 tờ bản đồ A-1+3-1) do bà Nguyễn Thị N sử dụng có lối đi chung vào thửa đất số 16, 23 (trùng vị trí thửa 81, 82 tờ bản đồ A-1+3-1) do ông Nguyễn Tất B sử dụng.

Qua đối chiếu kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/3/2024 với tờ bản đồ A-1+3-1 thể hiện lối đi chung đang tranh chấp trùng khớp với lối đi chung thể hiện trên bản đồ về vị trí, hình dạng và chiều rộng.

Từ những căn cứ nêu trên xác định đã có một con đường mòn người dân thường xuyên đi lại để lên nương từ trước thời điểm gia đình ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N nhận chuyển nhượng lại từ gia đình ông Hà Văn T1 và bà Cẩm Thị N2. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích lối đi đang tranh chấp không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Từ những nhận định, phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1, 4 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTNQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 22/9/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Sơn La;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Tuấn Minh